

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị;*

*Căn cứ Chương trình số 24-CTr/TU ngày 27/8/2013 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 2579/QĐ-UBND ngày 21/9/2020, số 2724/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó và Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 228/TTr-STNMT ngày 07/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI

về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: số 3427/QĐ-UBND ngày 05/11/2013, số 1209/QĐ-UBND ngày 17/4/2014, số 189/QĐ-UBND ngày 16/01/2020./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và MT (B/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (B/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phát huy ưu điểm, kết quả đạt được, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những mặt còn hạn chế để tiếp tục thực hiện trong thời gian đến;

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phù hợp với từng giai đoạn. Từng bước xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng tài nguyên, tăng cường khả năng phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu; ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường;

- Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai một số kế hoạch, chương trình, dự án, đề án mở mới đến năm 2025;

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch này phải phù hợp với nội dung Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ và phải đồng bộ với việc tiếp tục thực hiện Chương trình số 24-CTr/TU ngày 27/8/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch hành động ứng phó và Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, quán triệt nâng cao nhận thức và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI lần thứ 7; Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ; Chương trình số 24-CTr/TU ngày 27/8/2013 của Tỉnh ủy và các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành;

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền các hoạt động giảm thiểu khí nhà kính, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai trong giai đoạn 2021 - 2025. Lồng ghép nội dung về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp, đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý đến cấp địa phương;

- Nâng cao vai trò của HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức hội, đoàn thể và nhân dân tham gia trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường;

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; thực hiện việc lựa chọn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội dựa trên các tiêu chí về môi trường. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Trên cơ sở nội dung các quy định hiện hành của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Sử dụng năng lượng và tiết kiệm hiệu quả, Luật Tài nguyên nước, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Đa dạng sinh học, Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và Hải đảo và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để kịp thời đề xuất ban hành những chính sách, quy định phù hợp với điều kiện của tỉnh, đồng thời minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên;

- Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực quan trọng; phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh; hạn chế tối đa các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các dự án phát triển kinh tế sử dụng lãng phí, khai thác không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát thải nhiều chất ô nhiễm, khí nhà kính, hủy hoại cảnh quan, sinh thái, gây ô nhiễm môi trường, gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là các vùng núi, khu dân cư và vùng ven biển;

- Thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân; thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, địa phương (DDCI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình, Kế hoạch của tỉnh đã ban hành liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

c) Nâng cao năng lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; hằng năm, xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đã được phê duyệt; đồng thời tiến hành thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật; việc thanh tra, kiểm tra đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường;

- Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, khai thác tài nguyên trái phép theo đúng quy định của pháp luật;

- Xử lý các hành vi vi phạm mang tính răn đe, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời, thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật về tài nguyên và môi trường, giúp cho tổ chức, doanh nghiệp và mọi cá nhân hiểu rõ hơn các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường;

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các Sở, ngành và địa phương, các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật, phòng chống tội phạm về tài nguyên và môi trường; thực hiện có hiệu quả công tác giám sát của cộng đồng trong quản lý tài nguyên và môi trường.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện và tăng cường triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, năng lượng sạch, công nghệ sản xuất giảm thiểu phát thải khí nhà kính,...

- Triển khai thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Ứng dụng công nghệ hiện đại, viễn thám, công nghệ thông tin và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nâng cao năng lực, tăng cường quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về thiên tai, biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường thống nhất, đồng bộ, liên tục được cập nhật; xây dựng và vận hành cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các Bộ, Sở, ngành và địa phương.

đ) Cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Tiếp nhận và triển khai hiệu quả các nguồn vốn phi chính phủ, quỹ tài chính quốc tế từ các tổ chức quốc tế trong nước và ngoài nước đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Phối hợp triển khai phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, thị trường các - bon, các hình thức đối tác công tư (PPP); xã hội hóa để huy động đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách.

e) Hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục tham gia có hiệu quả các điều ước quốc tế Việt Nam ký kết, tham gia trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường;

- Thực hiện hợp tác với các đối tác, các tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực, tiếp nhận công nghệ tiên tiến, nhằm hỗ trợ cho tính trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường.

## **2. Các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai**

### a) Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại;

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn chuyên dùng, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, tai biến địa chất chuẩn hóa và hiện đại;

- Hoàn thiện mạng lưới các trạm đo mưa chuyên dùng, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng bản đồ cảnh báo sạt lở đất khu vực miền núi;

- Đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu theo vùng, miền; cập nhật các bản đồ nguy cơ ngập lụt, bản đồ phân vùng và cảnh báo thiên tai đến cấp xã, phường, thị trấn. Rà soát, hỗ trợ di dời dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở bờ sông, sạt lở núi, đất và các nguy cơ thiên tai khác;

- Điều chỉnh, lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển của các ngành, địa phương theo hướng kết hợp đa mục tiêu; hạn chế tối đa việc gia tăng rủi ro thiên tai, thích ứng với đặc điểm của từng vùng, miền, nhất là vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; củng cố, nâng cao năng lực, phương tiện của các ngành, lực lượng vũ trang, lực lượng phụ trách tìm kiếm

cứu nạn và xây dựng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để thực hiện công tác ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu.

b) Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Thực hiện đánh giá biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính; tiếp tục cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh theo chu kỳ 05 năm. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đảm bảo hiệu quả, giảm thiểu sự tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai xảy ra;

- Áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính; khuyến khích, thúc đẩy các cơ sở sản xuất công nghiệp ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,... đặc biệt đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các hộ gia đình;

- Khai thác tổng hợp tiềm năng và phát huy lợi thế các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu. Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa, hệ thống kè chống sạt lở, công trình phòng chống thiên tai ở các địa phương có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu. Đồng thời, đầu tư một số hồ chứa lớn, nhằm tích lũy và sử dụng nước tiết kiệm, phục vụ sản xuất nông nghiệp trong mùa khô, hạn;

- Tích cực vận động các nguồn tài trợ để thực hiện các dự án trồng và khôi phục rừng ngập mặn (rừng đừa nước, đước, mắm), rừng chắn cát, chắn sóng biển (phi lao, đừa,..); nạo vét lòng sông, xây và củng cố đê biển, kè biển, cảng, nhà đa năng, nhà cộng đồng tránh bão, đường tránh lũ,... chú ý đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng phải tính đến tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó và Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu; Kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

### **3. Các nhiệm vụ về quản lý tài nguyên**

a) Đối với tài nguyên đất đai

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; ngăn chặn tình trạng sử dụng đất lãng phí, tăng cường quản lý, khắc phục suy thoái đất. Quy hoạch sử dụng đất gắn liền với bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp, cùng với tăng cường kiểm tra, giám sát để làm tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; phải có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa chủ đầu tư với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức, đơn vị liên quan; gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương trong quá trình tham gia thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Tiếp tục hoàn thiện dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh, nhằm đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ đa ngành, đa mục tiêu hướng tới quản lý đất đai chặt chẽ và hợp lý.

#### b) Đối với tài nguyên nước

- Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quyết định đã được UBND tỉnh phê duyệt; triển khai cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; triển khai nhiệm vụ đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông, hồ trên địa bàn tỉnh;

- Đầu tư, lắp đặt hệ thống thu nhận, lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, thủy lợi đảm bảo nguồn nước cho hạ du lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, đặc biệt trong mùa cạn nhằm đảm bảo cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất của người dân phía hạ du;

- Thực hiện quan trắc, giám sát tài nguyên nước và giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra. Đề xuất xây dựng và thực hiện đề án đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

- Theo dõi, đánh giá, dự báo, thực hiện các giải pháp chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn; thực hiện các giải pháp tổng thể để tăng cường khả năng trữ nước của những vùng thường xuyên bị hạn hán.

#### c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, để làm rõ vị trí, vai trò của ngành công nghiệp khai khoáng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoáng sản; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của người dân đối với công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản;

- Tập trung chấn chỉnh, lập lại trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản; ngăn chặn đẩy lùi tình trạng khai thác khoáng sản trái phép;

- Rà soát quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản và khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để điều chỉnh bổ sung cho phù hợp;

- Khai thác khoáng sản phải thu hồi tối đa các loại khoáng sản có ích đi kèm; khai thác đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn thiết kế; phải tiết kiệm, hiệu quả kinh tế, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường. Kết thúc khai thác thực hiện công tác đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường, đất đai khu vực khai thác theo đúng quy định;

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, công tác thanh kiểm tra, thăm dò, khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ và xuất khẩu.

#### d) Đối với tài nguyên biển

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ, biển, hải đảo; phòng chống thiên tai trên các vùng bờ, biển, hải đảo;



- Thống kê, đánh giá tài nguyên, tiềm năng và thực trạng khai thác, sử dụng các vùng biển, ven biển, hải đảo và đề xuất nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của địa phương;

- Tổ chức thực hiện quan trắc biến động và dự báo xu thế biến động; xác định các vùng bờ biển dễ bị tổn thương và biến đổi lớn (bãi bồi, vùng biển xói lở, vùng bờ cát, rừng phòng hộ và đất ngập nước ven biển) trên địa bàn; đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển;

- Điều tra và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường biển và hải đảo từ các nguồn phát sinh do hoạt động khai thác, sử dụng biển, hải đảo và các sự cố hoặc thiên tai trên biển; thực hiện xử lý, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường bờ biển;

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn tình trạng đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt, không theo mùa vụ, khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

#### **4. Các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về quản lý, bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện quản lý theo giấy phép môi trường để kiểm soát ô nhiễm. Rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi khu đô thị, khu dân cư tập trung. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí; tăng diện tích cây xanh, công viên trong các đô thị và khu dân cư.

c) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phát huy tốt vai trò của cộng đồng đối với việc bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xả thải, quản lý chất thải, nhất là chất thải nguy hại, chất thải y tế; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho cơ quan quản lý môi trường.

d) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định, phê duyệt các hồ sơ về môi trường, vận hành thử nghiệm, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường sơ bộ đối với các dự án có tác động môi trường cao; tăng cường công tác thanh tra, hậu kiểm về bảo vệ môi trường, thực hiện tốt cơ chế phối hợp của các ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra.

đ) Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn, phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải, quản lý rác thải nhựa. Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản. Tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật, các khu vực ô nhiễm chất độc đi-ô-xin.

e) Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt ở các làng nghề; xây dựng và thực hiện các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

g) Thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp về cung cấp nước sạch đô thị, nông thôn, nhất là cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số. Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp.

h) Nâng cao năng lực ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu và các hóa chất độc hại; xử lý có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

i) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên; dừng chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên. Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, ven biển, rừng ngập mặn. Tổ chức xây dựng và thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2025 - 2030.

k) Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên; phục hồi các hệ sinh thái quan trọng bị suy thoái, đặc biệt là các vùng đất ngập nước, các rạn san hô và thảm cỏ biển.

l) Thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật. Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

m) Tiếp tục xây dựng, thực hiện các chính sách để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương Khóa XI, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ đến tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất cả trong nhận thức và hành động; triển khai thực hiện hiệu quả trong việc lồng ghép các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; xây dựng kế hoạch triển khai có hiệu quả Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ; tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó và Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Định kỳ, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp).

2. UBND các cấp, các cơ quan chuyên môn phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh và cấp huyện phối hợp với các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể và UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến tầng lớp nhân dân các chủ trương chính sách, pháp luật về công tác

phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI; Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ; Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy và UBND tỉnh có liên quan đến phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh, Tỉnh ủy, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định./.